

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Châu, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 26.02.2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Quang S** - Sinh năm 1984. Trú tại: K146/16 Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn:** Bà **Châu Thị Mỹ H** - Sinh năm 1986. Trú tại: K146/16 Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09.6.2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09.6.2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang S và bà Châu Thị Mỹ H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang S và bà Châu Thị Mỹ H.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Quang S và bà Châu Thị Mỹ H thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung Nguyễn Quang N – sinh ngày 23.7.2015 cho

ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Quang P – sinh ngày 19.10.2018 cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang P mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang N.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi có quyết định pháp luật.

Ly hôn, các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quang S và bà Châu Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng ông Nguyễn Quang S tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008893 ngày 26.02.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Ông Nguyễn Quang S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường H.
(số 77/2013, quyển số I/2012
ngày 08.5.2013);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Phương Thảo